TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/11/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; thường trú: số nhà E, tổ A, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 18/23 Quốc lộ A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H1, sinh năm 1984; thường trú: số nhà E, tổ A, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 18/23 Quốc lộ A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Ngọc H1 tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 1 ngày 18/5/2010. Hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Ngọc H1 là tự nguyện và có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Phạm Ngọc H1 không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, thường xuyên bỏ bê gia đình. Ông Phạm Ngọc H1 không dùng tiền lương để đóng góp, phục vụ cho cuộc sống hai vợ chồng mà chỉ tự sử dụng cho mục đích cá nhân. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi bà H phát hiện ông Phạm Ngọc H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặt khác hai vợ chồng cũng thường xuyên tranh cãi về vấn đề không có con chung. Nay bà H xác định cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc H1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Ngọc H1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Phạm Ngọc H1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc H1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị H nhưng ông Phạm Ngọc H1 không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/11/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Ngọc H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 15/11/2023 và ngày 24/11/2023 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Ngọc H1 tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 15 tháng 8 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Phạm Ngọc H1 không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, thường xuyên bỏ bê gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H1 không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014 việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc H1 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Ngọc H1 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 1 ngày 18/5/2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp).

- Về con chung: không có nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006864 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền